

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV NĂM 2020**

---

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>94,295,841,578</b>	<b>54,772,089,816</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3,562,056,301</b>	<b>846,560,470</b>
1. Tiền	111		3,562,056,301	846,560,470
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>90,620,801,108</b>	<b>53,625,133,794</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	26,922,815,154	481,912,200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	23,655,000,000	23,030,250,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	40,042,985,954	30,112,971,594
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40,307,257</b>	<b>163,993,547</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	40,307,257	163,993,547
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>72,676,912</b>	<b>136,402,005</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	21,300,000	12,300,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7,956,795	89,810,312
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	43,420,117	34,291,693

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>306,738,771,053</b>	<b>246,599,284,765</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>89,634,579,930</b>	<b>3,922,199,930</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	89,634,579,930	3,922,199,930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3,070,322,439</b>	<b>3,650,084,835</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3,070,322,439	3,650,084,835
- Nguyên giá	222		5,335,124,014	5,335,124,014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2,264,801,575)	(1,685,039,179)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8</b>	<b>214,027,000,000</b>	<b>239,027,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		9,800,000,000	9,800,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			2,000,000,000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		204,227,000,000	227,227,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V.6b</b>	<b>6,868,684</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6,868,684	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>401,034,612,631</b>	<b>301,371,374,581</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>88,889,195,527</b>	<b>6,817,639,689</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88,889,195,527</b>	<b>6,817,639,689</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	4,527,610,890	6,381,200,000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1,904,618,408	
4. Phải trả người lao động	314		402,538,376	111,856,529
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	1,909,289,540	260,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		90,163,726	9,608,573
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	80,000,000,000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,974,587	54,974,587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>312,145,417,104</b>	<b>294,553,734,892</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>312,145,417,104</b>	<b>294,553,734,892</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		251,999,740,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		251,999,740,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,863,107,311	2,863,107,311
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57,282,569,793	111,690,627,581
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3,690,887,581	105,535,527,716
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53,591,682,212	6,155,099,865
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>401,034,612,631</b>	<b>301,371,374,581</b>

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thu

Tổng giám đốc



Cao Minh Thắng

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A KĐT Vĩnh Hoàng,  
Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
**QUÝ IV NĂM 2020**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2020	Quý IV/2019	Lý kế từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Lý kế từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
I	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	159,123,032	264,506,984	95,855,328,547	28,563,121,983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		159,123,032	264,506,984	95,855,328,547	28,563,121,983
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	121,598,130	187,498,575	91,985,182,126	28,171,777,874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37,524,902	77,008,409	3,870,146,421	391,344,109
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,000,150,655	560,200	59,143,086,304	66,896,084,794
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,892,792,800		6,909,215,580	77,137,766
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,853,080,673		6,673,119,891	77,137,766
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	174,600,926		293,718,673	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	766,327,902	424,883,013	2,218,879,950	1,804,755,947
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26	30		7,203,953,929	-347,314,404	53,591,418,522	65,405,535,190

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2020	Quý IV/2019	Lý kế từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Lý kế từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
I	2	3	4	5	4	5
11. Thu nhập khác	31		2,318,504	0	2,318,504	478,147
12. Chi phí khác	32	VI.7	1,765,761	434,210	2,054,814	434,210
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		552,743	-434,210	263,690	43,937
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>7,204,506,672</b>	<b>-347,748,614</b>	<b>53,591,682,212</b>	<b>65,405,579,127</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>7,204,506,672</b>	<b>-347,748,614</b>	<b>53,591,682,212</b>	<b>65,405,579,127</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu



Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2021  
Tổng giám đốc



Cao Minh Thăng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***QUÝ IV NĂM 2020*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		79,390,463,952	13,075,242,200
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(140,031,214,301)	(157,870,677,447)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,094,890,249)	(918,122,171)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5,294,926,040)	(77,137,766)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(10,000,000)	(82,636,093)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		76,088,097,322	227,151,265,914
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(130,475,121,157)	(30,708,945,757)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(121,427,590,473)</b>	<b>50,568,988,880</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20,000,000,000)	(397,653,950,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		5,000,000,000	173,326,950,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59,143,086,304	43,500,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>44,143,086,304</b>	<b>(180,827,000,000)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			160,000,000,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		108,800,000,000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28,800,000,000)	(30,000,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
1	2	3	4	5
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>80,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2,715,495,831</b>	<b>(258,011,120)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>846,560,470</b>	<b>1,104,571,590</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>3,562,056,301</b>	<b>846,560,470</b>

Người lập biểu



Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2021

Tổng giám đốc



Cao Minh Thắng

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;  
Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;  
- Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
  - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển  
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

#### 5. Cấu trúc doanh nghiệp:

*Các Công ty con, công ty liên kết:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ	Số 30, Phố Ba Mỏ, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho Quý IV/2020 chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

#### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05

### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

### **8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### ***a) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

### ***b) Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

## **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### **15. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **16. Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	396.164.742	626.732.621
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.165.891.559	219.827.849
<b>Cộng</b>	<b>3.562.056.301</b>	<b>846.560.470</b>

#### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần tập đoàn quốc tế AIKO	9.601.301.354	-	-	-
Công ty cổ phần Sara Vũng Tàu	16.860.000.000	-	-	-
Bệnh Viện Đa Khoa Huyện Kiến Thụy	461.513.800	-	481.912.200	-
<b>Cộng</b>	<b>26.922.815.154</b>	-	<b>481.912.200</b>	-

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	0	-	13.000.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	0	-	13.000.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	0	-	10.030.250.000	-
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao	0	-	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt				
Công ty TNHH thiết bị y học Nhật	23.655.000.000	-	0	-
Các nhà cung cấp khác			30.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.655.000.000</b>	-	<b>23.030.250.000</b>	-

#### 4. Các khoản phải thu khác

##### a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	0	-	30.093.971.594	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ- cổ tức lợi nhuận được chia	0	-	4.103.879.961	-
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha trang- cổ tức lợi nhuận được chia	0	-	16.485.974.617	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ- cổ tức lợi nhuận được chia	0	-	9.504.117.016	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	21.300.000	12.300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>21.300.000</u></b>	<b><u>12.300.000</u></b>

### b) Chi phí trả trước dài hạn.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	6.868.684	0
<b>Cộng</b>	<b><u>6.868.684</u></b>	<b><u>0</u></b>

## 7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Là giá trị máy móc thiết bị, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	5.335.124.014	(1.685.039.179)	3.650.084.835
Tăng mua trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	(579.762.396)	(579.762.396)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>5.335.124.014</u></b>	<b><u>(2.264.801.575)</u></b>	<b><u>3.070.322.439</u></b>

## 8. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>9.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.800.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ (a)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (b)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>204.227.000.000</b>	<b>-</b>	<b>227.227.000.000</b>	<b>-</b>
Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (d)	204.227.000.000	-	184.227.000.000	-
Công ty Quản lý quỹ Bông Sen	0	-	43.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>214.027.000.000</u></b>	<b><u>239.027.000.000</u></b>		

(a): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600985779 ngày 21 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 6 năm 2018; tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(b): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300290910 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(c) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 23 tháng 9 năm 2019, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

từng lần góp vốn. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.227.000.000 VND.

### 9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị và Dụng cụ Y Khoa 3P	4.268.700.000	6.268.700.000
Phải trả nhà cung cấp khác	258.910.890	112.500.000
<b>Cộng</b>	<b>4.527.610.890</b>	<b>6.381.200.000</b>

### 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng.	-	-	100.069.817	-	100.069.817	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	33.420.117	-	10.000.000	-	43.420.117
Thuế thu nhập cá nhân	-	871.576	1.823.154.894	17.734.727	1.804.548.591	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>34.291.693</b>	<b>1.926.224.711</b>	<b>30.734.727</b>	<b>1.904.618.408</b>	<b>43.420.117</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế 5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác 10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phí ủy thác đầu tư		215.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.909.289.540	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.909.289.540</b>	<b>260.000.000</b>

### 12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	28.800.000.000	(28.800.000.000)	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Á (*)	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	28.800.000.000	(28.800.000.000)	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Á (*)	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>108.800.000.000</b>	<b>(28.800.000.000)</b>	<b>80.000.000.000</b>

(\*) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Á theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 540-003/20/VAB/HDTDNH ngày 22 tháng 01 năm 2020; số tiền vay là 80 tỷ đồng; mục đích để thanh toán tiền mua hàng theo hợp đồng số 2003/2020/MTCT-SRA giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam với Công ty Cổ phần Trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ ngày 20/03/2020, hợp đồng số 0120/2020/HĐKT/SRA-SRAPT ngày 10/01/2020 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ; thời hạn cho vay là 12 tháng; lãi suất thả nổi theo thị trường. Khoản vay được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị y tế của Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Aiko, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đầu tư vào trung tâm sản nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.

### 13. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư và phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	180.000.000.000	2.863.107.311	39.782.199.975	222.645.307.286
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	71.908.427.606	71.908.427.606
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>2.863.107.311</b>	<b>111.690.627.581</b>	<b>294.553.734.892</b>
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	2.863.107.311	111.690.627.581	294.553.734.892
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	53.591.682.212	53.591.682.212
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	71.999.740.000	-	(71.999.740.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>251.999.740.000</b>	<b>2.863.107.311</b>	<b>57.282.569.793</b>	<b>312.145.417.104</b>

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.199.974	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.199.974	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.199.974	18.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.199.974	18.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
Doanh thu bán hàng hóa	90.402.000	264.506.984
Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.721.032	
<b>Cộng</b>	<b>159.123.032</b>	<b>264.506.984</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	63.785.631	187.498.575
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	57.812.499	
<b>Cộng</b>	<b>121.598.130</b>	<b>187.498.575</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
Lãi tiền gửi	150.655	560.200
Lãi đầu tư cổ phiếu	1.000.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>11.000.150.655</b>	<b>560.200</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
Chi phí lãi vay	2.853.080.673	
Chi phí tài chính	39.712.127	
<b>Cộng</b>	<b>2.892.792.800</b>	
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
	174.600.926	-
<b>Cộng</b>	<b>174.600.926</b>	-
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
	766.327.902	424.883.013
<b>Cộng</b>	<b>766.327.902</b>	<b>424.883.013</b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.204.506.672	(347.748.614)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.000.000.000)	

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2020

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý IV/2020</u>	<u>Quý IV/2019</u>
<i>Cổ tức được nhận từ công ty con</i>	<i>(10.000.000.000)</i>	
Thu nhập chịu thuế	(2.795.493.328)	
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>		
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Lập ngày 26 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thư

Trưởng Giám đốc



Cao Minh Thắng